

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lã Thị D - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Khê T, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Yên C 3, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lã Thị D và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2007 cho chị Lã Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Phạm Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T hàng tháng cho chị Lã Thị D là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng không ai có nên chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Lã Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Văn N không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Phạm Văn N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản: Chị Lã Thị D và anh Phạm Văn N đều thống nhất để tự thỏa thuận phân chia về tài sản. Nay ly hôn chị D và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Lã Thị D nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002215 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho chị Lã Thị D 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Anh Phạm Văn N nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung